

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VINH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/DS-ST

Ngày: 24/8/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng

tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VINH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên.

Ông Thái Trung Nghĩa.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vinh Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vinh Châu tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Phân, Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vinh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2022/QĐST-DS ngày 12/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T M C P B Đ L V.

Người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Doãn S, Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Số R, Trần Hưng Đ, phường Cửa N, quận H K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng V – Chuyên viên khách hàng- Tổ khách hàng, Ngân hàng T M C P B Đ L V; (Văn bản ủy quyền lập số: 140/2021/QĐ-LienVietPostBank-ST ngày 12/3/2021).

Địa chỉ: Số A, đường Y, khóm U, phường X, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông Chung Văn U, sinh năm 1988 và bà Phan Thị N, sinh năm 1989; (đều vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ G, xã V T, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Chung Văn K, sinh năm 1952; (có mặt).

- Bà Phan Thị L, sinh năm 1954; (vắng mặt).

- Bà Chung Thị D, sinh năm 1976; (có mặt).

- Bà Chung Thị P, sinh năm 1978; (vắng mặt).

- Ông Chung Văn N1, sinh năm 1980; (vắng mặt).

- Ông Chung Văn T, sinh năm 1982; (vắng mặt).

- Bà Chung Thị Đ, sinh năm 1983; (vắng mặt).
 - Bà Chung Thị P1, sinh năm 1985; (vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: Ấp Đ G, xã V T, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2021 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/5/2020, Ngân hàng T M C P B Đ L V với ông Chung Văn U ký hợp đồng tín dụng số HDTD881202000082 vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), lãi suất trong hạn 12%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn vay 11 tháng, mục đích vay phát triển nông nghiệp. Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Chung Văn U và bà Phan Thị N, ông Chung Văn K cùng các thành viên trong gia đình ký hợp đồng thế chấp tài sản số HDTC881202000082 ngày 12/5/2020, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

Các thửa đất số 65, 69, 454, 455, tờ bản đồ số 02, với diện tích 16256m² tọa lạc tại Ấp Đ G, xã V T, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 195123 do hộ ông Chung Văn K đứng tên quyền sử dụng đất.

Do ông Chung Văn U và Phan Thị N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng theo như đã thỏa thuận. Ngân hàng TMCP B Đ L V đã N lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu ông U và bà N thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên, nhưng đến nay ông U và bà N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng TMCP B Đ L V. Tổng nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 24/8/2022, ông Chung Văn U và bà Phan Thị N còn nợ Ngân hàng TMCP B Đ L V với tổng số tiền là 267.195.655 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy triệu một trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi lăm đồng). Trong đó: Tiền vốn gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 14.915.518 đồng; tiền lãi quá hạn là 52.280.137 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng T M C P B Đ L V yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc các bị đơn ông Chung Văn U và bà Phan Thị N phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng T M C P B Đ L V với tổng số tiền là 267.195.655 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy triệu một trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi lăm đồng). Trong đó: Tiền vốn gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 14.915.518 đồng; tiền lãi quá hạn là 52.280.137 đồng. Đồng thời, buộc ông Chung Văn U và bà Phan Thị N còn phải tiếp tục liên đới trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số HDTD881202000082 ngày 12/5/2020, kể từ ngày 25/8/2022 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp các bị đơn ông Chung Văn U và bà Phan Thị N không thanh toán số tiền nêu trên, thì Ngân hàng T M C P B Đ L V được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số HDTC881202000082 ngày 12/5/2020 để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chung Văn K và bà Chung Thị D trình bày:

Thông nhất với ý kiến trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng T M C P B Đ L V và T nhận có ký hợp đồng thế chấp đối với các thửa đất số 65, 69, 454, 455, tờ bản đồ số 02, với diện tích 16256m² tọa lạc tại Ấp Đ G, xã V T, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 195123 do hộ ông Chung Văn K đứng tên quyền sử dụng đất để đảm bảo việc thanh toán nợ của vợ chồng ông Chung Văn U và bà Phan Thị N đối với Ngân hàng.

Đối với các bị đơn Chung Văn U, bà Phan Thị N và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Phan Thị L, Chung Thị P, Chung Văn N1, Chung Văn T, Chung Thị Đ, Chung Thị P1:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp để kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật và triệu tập họp lệ đối với bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nhưng vẫn vắng mặt và không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án có thông báo kết quả mở phiên họp cho bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nêu trên để biết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến:

Về pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án chưa thực hiện đúng theo quy định khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về pháp luật nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B Đ L V đối với bị đơn ông Chung Văn U và bà Phan Thị N. Buộc các bị đơn ông Chung văn U và bà Phan Thị N phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng TMCP B Đ L V tính đến ngày 24/8/2022 với tổng số tiền là 267.195.655 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy triệu một trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi lăm đồng). Trong đó: Tiền vốn gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 14.915.518 đồng; tiền lãi quá hạn là 52.280.137 đồng.

Đồng thời, buộc ông Chung Văn U và bà Phan Thị N còn phải tiếp tục liên đới trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số HDTD881202000082 ngày 12/5/2020, kể từ ngày 25/8/2022 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp ông Chung Văn U và bà Phan Thị N không có khả năng thanh toán hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu Điện Liệt Việt được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số HDTC881202000082 ngày 12/5/2020 để thu hồi nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thẩm định: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng T M C P B Đ L V khởi kiện yêu cầu các bị đơn ông Chung Văn U và bà Phan Thị N phải liên đới thanh toán nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 24/8/2022 với tổng số tiền là 267.195.655 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy triệu một trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi lăm đồng). Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T M C P B Đ L V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Tòa án thụ lý giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về pháp luật nội dung:

[1] Xét thấy, Hợp đồng tín dụng số HDTD881202000082 ngày 12/5/2020 được ký kết giữa nguyên đơn Ngân hàng T M C P B Đ L V với các bị đơn ông Chung Văn U và bà Phan Thị N được thiết lập bằng văn bản theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Mục đích vay vốn là để phát triển nông nghiệp của ông Chung Văn U và bà Phan Thị N. Trong đó, bên cho vay, bên vay đã giao kết cụ thể rõ ràng về quyền, nghĩa vụ của các bên. Nguyên nhân dẫn đến tranh chấp, do bên vay là các bị đơn ông Chung Văn U và bà Phan Thị N vi phạm hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ đúng như hợp đồng đã được ký kết. Việc xác lập hợp đồng rõ ràng, bên vay và bên cho vay đã được ký kết tại Hợp đồng tín dụng số HDTD881202000082 ngày 12/5/2020. Đồng thời, để đảm bảo việc thanh toán nợ, ông Chung Văn U ký hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp tài sản số HDTC881202000082 ngày 12/5/2020. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là những tình tiết nguyên đơn Ngân hàng T M C P B Đ L V không cần phải chứng minh.

Vì vậy, Ngân hàng T M C P B Đ L V yêu cầu buộc các bị đơn ông Chung Văn U và bà Phan Thị N phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán tính đến ngày 24/8/2022 với tổng số tiền là 267.195.655 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy triệu một trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi lăm đồng). Trong đó: Tiền vốn gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 14.915.518 đồng; tiền lãi quá hạn là 52.280.137 đồng là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của ông Chung Văn U và bà Phan Thị N, ông Chung Văn K và các thành viên trong gia đình đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất để thế chấp cho Ngân hàng TMCP B Đ L V. Do đó, ông Chung Văn U và bà Phan Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng TMCP B Đ L V yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là đúng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số HDTC881202000082 ngày 12/5/2020 mà các bên đã ký kết.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 90, 91, 94, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

[3.1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T M C P B Đ L V.

Buộc các bị đơn ông Chung Văn U và bà Phan Thị N phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán tính đến ngày 24/8/2022 với tổng số tiền là 267.195.655 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy triệu một trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi lăm đồng). Trong đó: Tiền vốn gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 14.915.518 đồng; tiền lãi quá hạn là 52.280.137 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25 tháng 8 năm 2022), ông Chung Văn U và bà Phan Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng (Hợp đồng tín dụng số HDTD881202000082 ngày 12/5/2020) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông Chung Văn U và bà Phan Thị N phải liên đới tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T M C P B Đ L V cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng T M C P B Đ L V.

Trường hợp ông Chung Văn U và bà Phan Thị N trả nợ không đầy đủ hoặc không có khả năng trả nợ trên thì Ngân hàng T M C P B Đ L V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp (Hợp đồng thế chấp số HDTC881202000082 ngày 12/5/2020):

Các thửa đất số 65, 69, 454, 455, tờ bản đồ số 02, với diện tích 16.256m² tọa lạc tại Ấp Đ G, xã V T, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 195123 do hộ ông Chung Văn K đứng tên quyền sử dụng đất.

Khi có yêu cầu, các ông bà: Chung Văn K, Phan Thị L, Chung Thị D, Chung Thị P, Chung Văn N1, Chung Văn T, Chung Thị Đ, Chung Thị P1 phải có nghĩa vụ giao lại tài sản thế chấp cho Cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

[3.2] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T M C P B Đ L V được chấp nhận, nên các bị đơn ông Chung Văn U và bà Phan Thị N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy, đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 92, 144, 146, 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 288, 325, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Các Điều 90, 91, 94, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T M C P B Đ L V.

Buộc các bị đơn ông Chung Văn U và Phan Thị N phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho Ngân hàng T M C P B Đ L V tổng cộng số tiền là 267.195.655 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy triệu một trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm năm mươi lăm đồng). Trong đó: Tiền vốn gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 14.915.518 đồng; tiền lãi quá hạn là 52.280.137 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25 tháng 8 năm 2022), ông Chung Văn U và bà Phan Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng (Hợp đồng tín dụng số HDTD881202000082 ngày 12/5/2020) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông Chung Văn U và bà Phan Thị N phải liên đới tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T M C P B Đ L V cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng T M C P B Đ L V.

Trường hợp ông Chung Văn U và bà Phan Thị N trả nợ không đầy đủ hoặc không có khả năng trả nợ trên thì Ngân hàng T M C P B Đ L V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp (Hợp đồng thế chấp số HDTC881202000082 ngày 12/5/2020):

Các thửa đất số 65, 69, 454, 455, tờ bản đồ số 02, với diện tích 16256m² tọa lạc tại Ấp Đ G, xã V T, thị xã V C, tỉnh Sóc Trăng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 195123 do hộ ông Chung Văn K đứng tên quyền sử dụng đất.

Khi có yêu cầu, các ông bà: Chung Văn K, Phan Thị L, Chung Thị D, Chung Thị P, Chung Văn N1, Chung Văn T, Chung Thị Đ, Chung Thị P1 phải có nghĩa vụ giao lại tài sản thế chấp cho Cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Các bị đơn ông Chung Văn U và bà Phan Thị N phải liên đới chịu là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Do Ngân hàng T M C P B Đ L V nộp tạm ứng trước, nên ông Chung Văn U và bà Phan Thị N có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại số tiền nêu trên cho Ngân hàng T M C P B Đ L V.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Các bị đơn Chung Văn U và bà Phan Thị N phải chịu là 13.359.782 đồng (Mười ba triệu ba trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm tám mươi hai đồng).

- Ngân hàng T M C P B Đ L V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng T M C P B Đ L V tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp với số tiền là 5.201.500 đồng (Năm triệu hai trăm lẻ một nghìn năm trăm đồng) theo Biên lai thu

tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009529 ngày 31/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

4. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- VKSND TX Vĩnh Châu;
- THADS TX Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA
TAND Tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Phương